

Số: ~~1708~~/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~23~~ tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (lần 1) dự án:

Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ

gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 761/TTr-TNMT ngày 23/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **2.346.312.298 đồng**.

(Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	2.346.312.298 đồng
+ Về đất:	317.855.500 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	121.315.734 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	967.368.696 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	939.872.368 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Công ty cổ phần Him Lam; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (LẦN 1)

Dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: ~~1708~~ /QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				2,346,312,298
1	Chi trả cho chủ sở hữu				2,346,312,298
a	Về Đất				317,855,500
b	Về Tài sản vật kiến trúc				121,315,734
c	Về Cây cối hoa màu				967,268,696
d	Về Chính sách hỗ trợ				939,872,368
B	Chi tiết cho các hộ dân				2,346,312,298
1	Bùi Thị Hiền				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				584,303,180
a	Về đất				-
1	Diện tích thu hồi	m ²	31,919.2		
2	Loại đất				
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	31,919.2	3,500	
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được UBND huyện Tam Đường cấp GCNQSD đất số W023609 ngày 20/11/2002. Hiện tại bà Bùi Thị Hiền sử dụng ổn định không có tranh chấp đất đai với ai. GCN cấp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ có vị trí không đúng so với hiện trạng sử dụng đất				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				8,684,500
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Ống nước HDPE Ø 20 PE 80). PN 12.5 dày 2mm	m	500.0	7,855	3,927,500
2	Kè đá xếp khan (50*0,4*1,5)	m ³	30.0	141,900	4,257,000
3	Hàng rào thép gai	m	100.0	5,000	500,000
c	Về Cây cối hoa màu				486,244,920
1	Cây nhãn bán kính phát tán >4m	cây	76.0	900,000	68,400,000
2	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	28.0	480,000	13,440,000
3	Cây trám bán kính phát tán > 4m	cây	20.0	480,000	9,600,000
4	Cây hồng bán kính phát tán >4m	cây	51.0	840,000	42,840,000
5	Cây mận bán kính phát tán >4m	cây	5.0	600,000	3,000,000
6	Cây vải bán kính phát tán từ 2-4m	cây	26.0	624,000	16,224,000
7	Cây vải bán kính phát tán >4m	cây	34.0	900,000	30,600,000
8	Cây xoài bán kính phát tán từ 2-4m	cây	4.0	540,000	2,160,000
9	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	6.0	480,000	2,880,000
10	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4m	cây	96.0	624,000	59,904,000
11	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	cây	4.0	192,000	768,000

12	Cây bưởi bán kính phát tán >4m	cây	4.0	600,000	2,400,000
13	Cây mít bán kính phát tán từ 2-4m	cây	7.0	360,000	2,520,000
14	Cây bơ bán kính phát tán từ 2-4m	cây	13.0	540,000	7,020,000
15	Cây nhót đã cho thu hoạch	m ²	100.0	12,000	1,200,000
16	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	796.0	30,000	23,880,000
17	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	974.0	42,000	40,908,000
18	Cây lấy gỗ d=40, h=6: 174 cây	m ³	131.1	480,000	62,940,672
19	Cây lấy gỗ d=50, h=7: 95 cây	m ³	130.5	480,000	62,643,000
20	Cây lấy gỗ d=60, h=7: 30 cây	m ³	59.3	480,000	28,486,080
21	Cây lấy gỗ d=70, h=8m: 3 cây	m ³	9.2	480,000	4,431,168
d	Về Chính sách hỗ trợ				89,373,760
1	Hỗ trợ khác theo khoản 4 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 80% giá Đất rừng phòng hộ).	m ²	31,919.2	2,800	89,373,760
2	Sùng A Lữ				
	Địa chỉ: Bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				360,902,016
a	Về đất				80,301,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	2,676.7		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	2,676.7	30,000	80,301,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho 1 phần diện tích đất của bố là ông Sùng Páo Ly năm 2007 (không có giấy tờ cho tặng). Đất của gia đình ông Ly khai phá từ năm 1985. Hiện tại gia đình ông Lữ sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				3,496,000
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Dây thép gai	m	385.0	5,000	1,925,000
2	Ống HPDE f120	m	200.0	7,855	1,571,000
c	Về Cây cối hoa màu				16,042,016
1	Cây tre đường kính từ 5-10cm	cây	8.0	30,000	240,000
2	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000
3	Sản lượng ngô 2600 m ² *5,5 tấn/ha/năm	Kg	1,430.0	10,000	14,300,000
4	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	2.0	360,000	720,000
5	Cây lấy gỗ d=40, h=7,1 cây	cây	0.9	480,000	422,016
d	Về Chính sách hỗ trợ				261,063,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	2,676.7	90,000	240,903,000

2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 04 khẩu * 30kg gạo* 12 tháng).	Kg	1,440.0	14,000	20,160,000
3	Sùng Páo Ly				
	Địa chỉ: bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				236,674,500
a	Về đất				-
1	Diện tích thu hồi	m ²	20,206.1		
2	Loại đất				
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	20,206.1	3,500	
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được UBND huyện Tam Đường giao đất để trồng rừng từ năm 2002, không có giấy tờ. Hiện tại gia đình ông Sùng Páo Ly sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.				
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				180,097,392
1	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	612.0	30,000	18,360,000
2	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	775.0	42,000	32,550,000
3	Cây lấy gỗ d=40, h=6: 114 cây	m ³	85.9	480,000	41,236,992
4	Cây lấy gỗ d=50, h=7: 80 cây	m ³	109.9	480,000	52,752,000
5	Cây lấy gỗ d=60, h=7: 25 cây	m ³	49.5	480,000	23,738,400
6	Cây tre đường kính từ 5-10cm	cây	265.0	30,000	7,950,000
7	Cây tre đường kính <5cm	cây	195.0	18,000	3,510,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				56,577,108
1	Hỗ trợ khác theo khoản 4 điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 80% giá Đất rừng phòng hộ).	m ²	20,206.1	2,800	56,577,108
4	Mai Thế Đông				
	Địa chỉ: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				643,748,655
a	Về đất				143,739,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	4,791.3		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	4,791.3	30,000	143,739,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Vũ Đình Thân ngày 20/3/2004. Đất của ông Thân khai phá từ năm 1989. Hiện tại gia đình ông Đông sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				40,706,655
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				

	Phần tài sản bóc tách từ khu vực chuồng trâu				
1	Bê tông không cốt thép (17*0,6*0,15)	m ³	1.5	852,500	1,304,325
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (7,1*8)	m ²	56.8	83,600	4,748,480
3	Phần chuồng chính tính bằng Bán mái khung sắt lợp tôn (7,1*7,5)	m ²	53.3	334,400	17,806,800
4	Khung sắt lưới B40 (18*1,3)	m ²	23.4	123,200	2,882,880
5	Bê tông không cốt thép (17*0,15*0,4)	m ³	1.0	852,500	869,550
6	Bóc tách từ chuồng gà khung sắt lợp tôn				
6.1	Khung sắt lưới B40 (2,8*2)*6	m ²	33.6	123,200	4,139,520
6.2	Mái lợp tôn (2,8*2)	m ²	5.6	115,500	646,800
7	Hàng rào lưới B40 thép fi 3,4 (1*55)+(1*28)	m ²	83.0	100,100	8,308,300
	Phần tài sản nằm trên đất đã thu hồi không được bồi thường				
1	Mái bro xi măng để cả khung xà (6,6*2,8)	m ²	18.5		
2	Tôn quay (3,4*2)	m ²	6.8		
3	Tôn quay (2,8*2,2)	m ²	6.2		
4	Mái tôn (3,7*1,7)	m ²	6.3		
5	Máy xén cỏ	cái	1.0		
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				18,006,000
1	Cây chuối chưa có buồng cao >1,2m	cây	20.0	24,000	480,000
2	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	3.0	42,000	126,000
3	Cỏ voi	m ²	1,025.0	4,800	4,920,000
4	Cỏ voi	m ²	2,600.0	4,800	12,480,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				441,297,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	4,791.3	90,000	431,217,000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 04 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	720.0	14,000	10,080,000
5	Nguyễn Thị Nhuận (Nguyễn Xuân Vy đã mất)				
	Địa chỉ: Tổ 21, phường Tân Phong , thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				158,293,680
a	Về đất				
1	Diện tích thu hồi	m ²	12,779.6		
2	Loại đất				
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	12,779.6	3,500	

	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được UBND huyện Tam Đường cấp GCNQSD đất số W614591 ngày 20/11/2002 cho hộ ông Nguyễn Xuân Vy (đã chết là chồng bà Nguyễn Thị Nhuận). Gia đình bà Nhuận chưa thực hiện phân chia di sản thừa kế theo quy định. Hiện tại bà Nguyễn Thị Nhuận sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. GCN cấp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ có vị trí không đúng so với hiện trạng sử dụng đất				
c	Về Cây cối hoa màu				158,293,680
1	Cây nhãn bán kính phát tán bán kính trên 4m	cây	41.0	900,000	36,900,000
2	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	6.0	480,000	2,880,000
3	Cây hồng bán kính phát tán từ 2-4m	cây	6.0	540,000	3,240,000
4	Cây xoài bán kính phát tán >4	cây	3.0	840,000	2,520,000
5	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	374.0	30,000	11,220,000
6	Cây lấy gỗ đường kính gốc từ 10-25cm	cây	398.0	42,000	16,716,000
7	Cây lấy gỗ d=40, h=6, 85 cây	m ³	64.1	480,000	30,746,880
8	Cây lấy gỗ d=50, h=7, 46 cây	m ³	63.2	480,000	30,332,400
9	Cây lấy gỗ d=60, h=7, 25 cây	m ³	49.5	480,000	23,738,400
6	Đặng Đình Hùng				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				74,079,888
a	Về đất				-
1	Diện tích thu hồi	m ²	15,832.8		
2	Loại đất				
	Đất rừng phòng hộ (không được bồi thường) theo quy định tại điều 82, Luật đất đai năm 2013	m ²	15,832.8	3,500	hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được UBND thị xã Lai Châu cấp GCNQSD đất số AD415754 ngày 12/01/2007. Hiện tại gia đình ông Hùng sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. GCN cấp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ có vị trí không đúng so với hiện trạng sử dụng đất				
c	Về Cây cối hoa màu (Cây trồng được hỗ trợ 100%)				74,079,888
1	Cây sưa đường kính từ 10-25cm	cây	3.0	300,000	900,000
3	Cây ăn quả (bưởi) bán kính phát tán từ 1-2m	cây	2.0	360,000	720,000
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3 (ổi, nhãn)	cây	50.0	132,000	6,600,000
5	Cây lấy gỗ đường kính 5-10 cm	cây	412.0	30,000	12,360,000
6	Cây lấy gỗ đường kính 10-25cm	cây	447.0	42,000	18,774,000
7	Cây lấy gỗ d=30, h=6: 54 cây	m ³	40.7	480,000	19,533,312
8	Cây lấy gỗ d=40, h=6: 42 cây	m ³	31.7	480,000	15,192,576
7	Đặng Đình Hùng				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				18,000,000
c	Về Cây cối hoa màu trên đất				18,000,000

	<i>Cây trồng theo dự án của Nhà nước xác định theo công văn số 42/CV-HKL ngày 14/6/2022 của Hạt kiểm lâm thành phố (hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 14, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Cây lát trồng từ 2 - 5 năm	cây	300.0	60,000	18,000,000
8	Vũ Đình Thân tranh chấp cùng Hà Văn Khanh				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				13,958,000
a	Về đất				12,754,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	364.4		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	364.4	35,000	12,754,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc:				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				100,000
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Bạt dứa (4*5)	m ²	20.0	5,000	100,000
c	Về Cây cối hoa màu				1,104,000
1	Cây ôi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	10.0	66,000	660,000
3	Cây lấy gỗ đường kính từ 10-25cm	cây	2.0	42,000	84,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				-
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm).	m ²	364.4	105,000	
9	Vàng Y May				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				1,980,000
a	Về đất				495,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	16.5		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	16.5	30,000	495,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Sùng A Lữ và bà Vũ Thị Khua ngày 30/4/2007. Đất ông Lữ nhận chuyển nhượng của ông Sùng Páo Ly ngày 12/01/2005. Đất ông Ly khai phá từ năm 1987. Hiện tại gia đình bà May sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.				
d	Về Chính sách hỗ trợ				1,485,000

1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	16.5	90,000	1,485,000
10	Sùng A Cửa				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				33,125,125
a	Về đất				3,881,500
1	Diện tích thu hồi	m ²	124.7		
2	Loại đất				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	28.1	35,000	983,500
2.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	96.6	30,000	2,898,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Sùng A Lữ và bà Vừ Thị Khuà ngày 15/5/2007. Đất của ông Lữ nhận chuyển nhượng của ông Sùng Páo Ly ngày 12/01/2005. Đất của gia đình ông Ly khai phá từ năm 1987. Hiện tại gia đình ông Cửa sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				28,853,625
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Bóc tách chuồng gà khung sắt mái lợp bro, nền đất				-
1.1	Khung sắt (tính bằng cấu kiện sắt thép) (6*4,3)	m ²	25.8	825,000	21,285,000
1.2	Mái bro xi măng (4,3*3)*2	m ²	25.8	46,200	1,191,960
2	Hàng rào lưới B40 thép phi 3,4 (27*1,8)	m ²	48.6	100,100	4,864,860
3	Bê tông cốt thép 7*(0,15*0,1*2,2)	m ³	0.2	1,393,700	321,945
4	Thép V4 dày 2,5 ly (3*2,2)	m	6.6	111,800	737,880
5	Thép hộp 3x3 dày 2,5 ly (1,8*3)	m	5.4	83,700	451,980
c	Về Cây cối hoa màu				390,000
1	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000
2	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000
11	Vàng A Nhè				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				55,070,060
a	Về đất				7,242,500
1	Diện tích thu hồi	m ²	239.3		
2	Loại đất				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	12.7	35,000	444,500
2.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	226.6	30,000	6,798,000
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Sùng A Lữ và bà Vừ Thị Khua ngày 20/3/2007. Đất của ông Lữ nhận chuyển nhượng của ông Sùng Páo Ly ngày 12/01/2005. Đất của gia đình ông Ly khai phá từ năm 1987. Hiện tại gia đình ông Nhè sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				13,411,260
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Hàng rào lưới B40 thép phi 3,4 (51*1,5)	m ²	76.5	100,100	7,657,650
2	Thép V3 dày 2,5 ly	m	16.0	83,700	1,339,200
3	Chuồng có ván sàn, khung gỗ mái lợp bro (4,2*3,9)	m ²	16.4	269,500	4,414,410
c	Về Cây cối hoa màu				2,608,800
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	cây	2.0	132,000	264,000
2	Cây đu đủ chưa cho thu hoạch	cây	2.0	43,200	86,400
3	Cây dâu tằm	m ²	2.0	7,200	14,400
4	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	1.0	480,000	480,000
5	Cây xoan đường kính từ 10-25cm	cây	1.0	42,000	42,000
6	Cây lấy gỗ trồng từ 2 - 5 năm	cây	3.0	24,000	72,000
7	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	3.0	360,000	1,080,000
8	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	1.0	132,000	132,000
9	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000
10	Cây gỗ lát đường kính từ 5-10cm	cây	2.0	204,000	408,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				31,807,500
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác).	m ²	12.7	105,000	1,333,500
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	226.6	90,000	20,394,000
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 04 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	720.0	14,000	10,080,000
12	Trần Văn Tỉnh				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				785,500
b	Về Tài sản vật kiến trúc				785,500
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)(Tài sản nằm trên đất của bà Liềng Thị Chén)</i>				

I	Ống HDPE Φ 20 (PE 80). PN 12.5 dày 2mm	m	100.0	7,855	785,500
13	Lý Văn Khiêm				
	Địa chỉ: Tổ dân phố số 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				11,580,000
a	Tài sản vật kiến trúc				8,580,000
	<i>Mộ đất xếp đá 1 ngôi nằm trên đất nhà ông Mai Thế Đông và 1 ngôi nằm trên đất nhà ông Đặng Đình Hùng</i>				
1	Mộ chưa cải táng mộ đất xếp đá trên 03 năm	ngôi	2.0	4,290,000	8,580,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				3,000,000
1	Hỗ trợ tâm linh di chuyển mộ theo Điều 13 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ngôi	2.0	1,500,000	3,000,000
14	Sùng A Lử, Vừ Thị Khua				
	Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				23,186,694
a	Về đất				14,146,500
1	Diện tích thu hồi	m ²	470.1		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	8.7	35,000	304,500
	Đất nương rẫy	m ²	461.4	30,000	13,842,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông Sùng Páo Ly ngày 12/1/2005. Đất của ông Ly khai phá từ năm 1987. Hiện tại gia đình ông Lử sử dụng đất ổn định, không tranh chấp				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				3,748,194
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Dây thép gai	m	35.0	5,000	175,000
2	Tường xây gạch bi T12cm (0,9*15)	m ²	13.5	127,600	1,722,600
3	Hàng rào lưới B40 thép phi 3,4(1*15)	m ²	15.0	100,100	1,501,500
4	Thép Φ 20 (8 cọc*1,2 m)	m	9.6	36,364	349,094
c	Về Cây cối hoa màu				5,292,000
1	Cây chuối chưa có buồng cao >1,2m	cây	9.0	24,000	216,000
2	Cây đào trồng hạt năm thứ 2	cây	3.0	66,000	198,000
3	Cây xoan đường kính từ 10-25cm	cây	1.0	42,000	42,000
4	Cây ôi trồng hạt năm thứ 2	cây	1.0	66,000	66,000
5	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 2	cây	1.0	66,000	66,000
6	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4	cây	1.0	192,000	192,000
7	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	cây	2.0	132,000	264,000
8	Cây nhãn trồng bằng hạt năm thứ 4	cây	1.0	192,000	192,000
9	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	3.0	360,000	1,080,000
10	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10cm	cây	3.0	30,000	90,000
11	Cây mận bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1.0	360,000	360,000
12	Cây xoan trồng từ 2-5 năm	cây	2.0	24,000	48,000

13	Cây lấy gỗ trồng từ 2 - 5 năm	cây	4.0	24,000	96,000
14	Cây xoan đường kính từ 5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000
15	Cây táo mèo bán kính phát tán từ 1-2 m	cây	2.0	360,000	720,000
16	Cây chuối chưa có buồng cao <1,2m	cây	9.0	18,000	162,000
17	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	cây	3.0	132,000	396,000
18	Cây xoan đường kính từ 5-10cm	cây	1.0	30,000	30,000
19	Cây vả tính bằng cây trám bán kính phát tán từ 2-4m	cây	1.0	360,000	360,000
20	Cây tre đường kính <5cm	cây	20.0	18,000	360,000
21	Cây thuốc nam cho thu hoạch	đồng/ m ²	6.0	54,000	324,000
15	Bùi Thanh Thủy				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				29,826,000
a	Về đất				2,925,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	97.5		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy	m ²	97.5	30,000	2,925,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích của bà Hoàng Thị Tuyền ngày 20/8/2003. Đất bà Tuyền khai phá từ năm 1994. Hiện tại gia đình bà Thủy sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai.				
c	Về Cây cối hoa màu				3,006,000
1	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 4	cây	10.0	192,000	1,920,000
2	Cây xoan trồng từ 2-5 năm	cây	5.0	24,000	120,000
3	Cây xoan đường kính từ 5-10cm	cây	5.0	30,000	150,000
4	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	cây	3.0	132,000	396,000
5	Cây hoa hòe đường kính gốc từ 5-10cm	cây	5.0	84,000	420,000
d	Chính sách hỗ trợ				23,895,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	97.5	90,000	8,775,000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 03 khẩu * 30kg gạo* 12 tháng).	Kg	1,080.0	14,000	15,120,000
16	Nguyễn Cảnh Phương				
	Địa chỉ: Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				38,336,000
a	Về đất				7,278,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	242.6		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy	m ²	242.6	30,000	7,278,000
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của bà Hoàng Thị Tuyền ngày 20/8/2003. Đất của bà Tuyền khai phá từ năm 1994. Hiện gia đình ông Phương sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.				
b	Về Tài sản vật kiến trúc				80,000
	<i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Hàng rào cọc tre	m	5.0	6,000	30,000
2	Dây thép gai	m	10.0	5,000	50,000
c	Về Cây cối hoa màu				4,104,000
1	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 4	cây	10.0	192,000	1,920,000
2	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	10.0	132,000	1,320,000
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	cây	4.0	132,000	528,000
4	Cây hoa hòe đường kính gốc từ 5-10cm	cây	4.0	84,000	336,000
c	Về Chính sách hỗ trợ				26,874,000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	242.6	90,000	21,834,000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 01 khẩu * 30kg gạo* 12 tháng).	Kg	360.0	14,000	5,040,000
17	Đất tranh chấp giữa ông Vũ Đình Thân và bà Bùi Thị Khương				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				45,093,000
a	Về đất				45,093,000
1	Diện tích thu hồi	m ²	1,503.1		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	1,503.1	30,000	45,093,000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc:				
d	Chính sách hỗ trợ				-
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	1,503.1	90,000	
18	Hoàng Văn Dựng				
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				5,790,000
b	Về Tài sản vật kiến trúc				4,290,000
	Mộ đất xếp đá nằm trên đất nhà ông Đặng Đình Hùng				

1	Mộ chưa cải táng mộ đất xếp đá trên 03 năm	ngôi	1.0	4,290,000	4,290,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				1,500,000
1	Hỗ trợ tâm linh di chuyển mộ theo Điều 13 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/người	1.0	1,500,000	1,500,000
19	Vàng Văn Quân				
	Địa chỉ: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				
					5,790,000
b	Về Tài sản vật kiến trúc				4,290,000
	Mộ đất xếp đá nằm trên đất nhà ông Đặng Đình Hùng				
1	Mộ chưa cải táng mộ đất xếp đá trên 03 năm	ngôi	1.0	4,290,000	4,290,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				1,500,000
1	Hỗ trợ tâm linh di chuyển mộ theo Điều 13 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/người	1.0	1,500,000	1,500,000
20	Vùi Văn Tiến				
	Địa chỉ: Tổ 12, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				
					5,790,000
b	Về Tài sản vật kiến trúc				4,290,000
	Mộ đất xếp đá nằm trên đất nhà ông Đặng Đình Hùng				
1	Mộ chưa cải táng mộ đất xếp đá trên 03 năm	ngôi	1.0	4,290,000	4,290,000
d	Về Chính sách hỗ trợ				1,500,000
1	Hỗ trợ tâm linh di chuyển mộ theo Điều 13 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/người	1.0	1,500,000	1,500,000